

*Châu Thành, ngày 31 tháng 12 năm 2021*

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH – BẾN TRE**

**Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Phương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hoàng Phúc
2. Bà Phạm Thị Em

Căn cứ vào các Điều 212, 213, 235 và 246 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 350/2020/TLST-DS ngày 18 tháng 12 năm 2020.

**XÉT THẤY:**

Tại phiên tòa các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Việc thỏa thuận của đương sự theo Quyết định số 38/2018/QĐ-UBND ngày 04/9/2018 của UBND tỉnh Bến Tre là dưới mức diện tích đất cho phép tách thửa. Tuy nhiên, phần đất 63,3m<sup>2</sup> thuộc thửa 40 và 41-1 tờ 4 tại xã B huyện C tỉnh Bến Tre, vợ chồng bà V-ông T sử dụng là từ năm 2006, đã xây dựng nhà kiên cố trên đất sinh sống từ năm 2006, đây là nơi ở duy nhất của vợ chồng bà V ông T và các con từ năm 2006 đến nay.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:**

+ *Nguyên đơn:*

Nguyễn Thị H, sinh năm 1980

Nơi cư trú: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre

+ *Bị đơn:*

Bùi Thị Thu V, sinh năm 1966

Nơi cư trú: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre

+ Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Trần Văn T, sinh năm 1970

Trần Văn T, sinh năm 1995

Nơi cư trú: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre

## **2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:**

Ghi nhận việc bà Nguyễn Thị H không yêu cầu vợ chồng bà Bùi Thị Thu V-ông Trần Văn T trả lại phần đất có diện tích 63,3m<sup>2</sup> thuộc thửa 40 và thửa 41-1 tờ 4 (Đất CLN) tọa lạc tại xã B huyện C tỉnh Bến Tre.

Vợ chồng bà Bùi Thị Thu V - ông Trần Văn T được quyền sử dụng phần đất có diện tích 63,3m<sup>2</sup> thuộc thửa 40 và thửa 41-1 tờ 4 (Đất CLN) tọa lạc tại xã B huyện C tỉnh Bến Tre (Thửa cũ là thửa 961 tờ 3 có tổng diện tích 1760m<sup>2</sup>) do bà Nguyễn Thị H đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AG 133765 được UBND huyện C cấp ngày 31/7/2006.

Phần đất bà V - ông T được quyền sử dụng có tứ cận:

Đông giáp phần còn lại của thửa 41

Tây giáp thửa 41

Nam giáp thửa 41

Bắc giáp thửa 20.

Phần đất bà V - ông T được quyền sử dụng có hoạ đồ hiện trạng sử dụng đất kèm theo, hoạ đồ ngày 26/3/2021.

Bà V - ông T được quyền đăng ký kê khai, có nghĩa vụ tự liên hệ với Cơ quan có thẩm quyền để làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần đất có diện tích 63,3m<sup>2</sup> nêu trên.

Kiến nghị Cơ quan có thẩm quyền điều chỉnh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do bà Nguyễn Thị H đứng tên, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AG 133765 được UBND huyện C cấp ngày 31/7/2006 để cấp cho vợ chồng bà Bùi Thị Thu V-ông Trần Văn T đối với phần đất 63,3m<sup>2</sup> thuộc thửa 40 và thửa 41-1 tờ 4 (Đất CLN) tọa lạc tại xã B huyện C tỉnh Bến Tre.

Buộc bà H giao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AG 133765 được UBND huyện C cấp ngày 31/7/2006 cho bà V để làm thủ tục tách thửa, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho vợ chồng bà V-ông T.

Buộc bà V-ông T có trách nhiệm giao cho bà H số tiền 250.000.000đồng (Hai trăm năm mươi triệu đồng) là giá trị phần đất 63,3m<sup>2</sup> nêu trên do hai bên thỏa thuận.

Việc giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AG 133765, cũng như số tiền 250.000.000đồng, về cách thức giao, thời gian giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và số tiền 250.000.000đồng nêu trên, hai bên thống nhất thực hiện tại Cơ quan Thi hành án.

### **\* Chi phí tố tụng:**

Tổng chi phí tố tụng 3.129.000đồng, bà H tự nguyện nộp và đã nộp xong, không yêu cầu giải quyết nên ghi nhận.

### **\*Ấn phí:**

+ Ấn phí DSST không có giá ngạch:

Bà H tự nguyện nộp 300.000đồng, được trừ vào tiền tạm ứng án phí bà H đã nộp theo Biên lai thu số 0004748 ngày 07/12/2020, Biên lai thu số 0000952 ngày 05/10/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C. Hoàn lại cho bà H 300.000đồng (Ba trăm ngàn đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh.
- VKSND huyện Châu Thành;
- Các bên đương sự;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Đỗ Thị Phụng**